

Bản tin chứng khoán

Trong số này

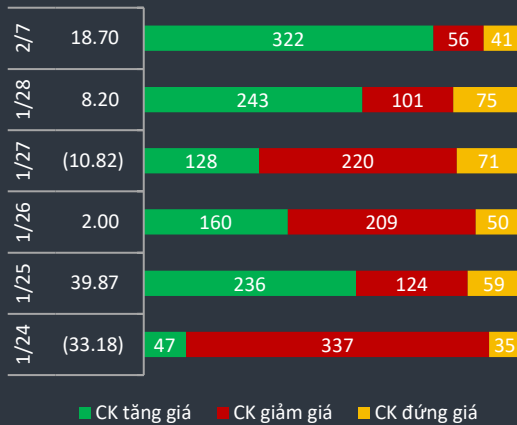
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	93.59
KBC	148.21
SSI	131.55
PNJ	60.29
CTG	57.08
GAS	49.36
VCB	44.26
NLG	(32.14)
VRE	(43.78)
HVN	(60.00)
E1VFN30	(66.85)
HPG	(160.86)
VIC (333.89)	

Phiên giao dịch đầu năm đã vô cùng hứng khởi với điểm số Vnindex đã tăng vượt trên 10 điểm ngay từ lúc mở cửa. Điểm khác biệt là nhóm ngân hàng lại lùi sau để các nhóm ngành khác thăng hoa như bất động sản, chứng khoán, dầu khí, thép ... Blue chip được nâng đỡ bởi nhóm hàng không mà hai cột trụ HVN, VJC tăng trần. 3 đại diện dầu khí gồm POW, GAS, PLX đều có mức tăng từ 4% - 6%. Giá dầu trong những ngày nghỉ lễ đã tăng lên trên 93 USD thùng với dầu Brent và giữ giá từ mức 4 đến nay. Giá dầu tăng mạnh khi người mua dự đoán rằng các nhà cung cấp thế giới sẽ tiếp tục vật lộn để đáp ứng nhu cầu. Các nhà quản lý tiền tệ đã tăng các vị thế quyền chọn và hợp đồng dầu thô dài hạn ròng của Mỹ trong tuần tính đến ngày 1 tháng 2. Nhóm cổ phiếu dầu khí còn nhiều mã tăng mạnh như BSR, OIL, ASP, PVS.

Toàn bộ các cổ phiếu chứng khoán đều tăng mạnh trong ngày trong đó nhóm tầm trung tăng từ 5% - 8%. Một số CP lớn như VCI lực cầu tăng mạnh lên 4.6%, FTS 6.8%, HCM 3.6%. Dù thanh khoản hôm nay không quá lớn – chỉ khoảng 18 ngàn tỷ trên sàn HOSE nhưng sự quay lại của nhóm chứng khoán cho tín hiệu dòng tiền lướt sóng ngắn đang quay lại nhộn nhịp dần.

Cổ phiếu bất động sản vẫn là nhóm ngành nhạy cảm nhất khi sự biến động nhiều cổ phiếu vẫn khó lường. Nhóm cổ phiếu FLC hôm nay tạo sóng lớn trở lại gồm như cả họ bao gồm FLC, ROS, KLF, AMD, HAI, ART đều có mức tăng trung bình trên 6%. Một số mã BDS hồi phục đáng chú ý có LDG tăng trần, HAR, VPH, CCL, TDH, SCR, HQC. Tuy nhiên cuối phiên vẫn có những mã bị đánh úp giảm sàn như DIG, CEO. Cổ phiếu VIC hôm nay giảm đến 6% góp phần giúp chỉ số Vnindex hạ nhiệt, nếu không chỉ số có thể vượt trên 20 điểm.

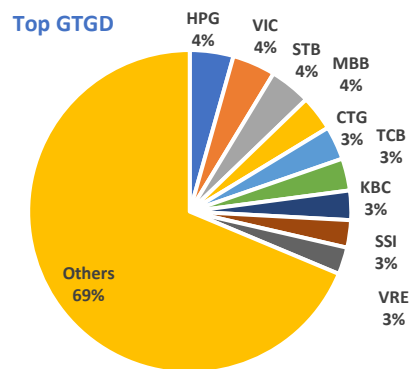
Một số nhóm ngành khác cũng bức phá mạnh trong ngày như phân đạm với nhóm LAS, DCM, DPM, BFC. Thống kê mới nhất cả năm 2021 cả nước xuất khẩu trên 1,35 triệu tấn phân bón, thu về 559,35 triệu USD, giá trung bình đạt 413,4 USD/tấn, tăng 16,4% về khối lượng, tăng 64,2% về kim ngạch và giá tăng 41,2% so với năm 2020. kim ngạch xuất khẩu phân bón sang hầu hết các thị trường tăng mạnh so với cùng kỳ.

Vnindex 1,497.66

▲ +18.7 (+1.26%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HVN	26.0	1,700	7.00
VJC	130.4	8,500	6.97
POW	17.9	1,050	6.25
GAS	114.7	5,700	5.23
PLX	58.7	2,600	4.63
VCB	92.4	3,400	3.82
MSN	147.9	4,900	3.43
GVR	32.2	1,000	3.21
PNJ	107.3	3,300	3.17
VHM	82.2	1,900	2.37
SAB	152.1	3,400	2.29
BVH	55.5	1,100	2.02
HPG	43.1	850	2.01
SSI	45.9	800	1.78
VRE	35.5	550	1.57
MWG	133.9	1,400	1.06
HDB	31.1	200	0.65
BCM	79.7	500	0.63
VNM	83.5	400	0.48
ACB	34.7	150	0.43
MBB	33.8	100	0.30
PDR	91.0	200	0.22
STB	35.6	50	0.14
NVL	80.0	100	0.13
DHG	102.9	-	-
FPT	89.5	-	-
TCB	52.8	-	-
VIB	47.4	(200)	(0.42)
REE	68.6	(400)	(0.58)
TPB	41.7	(250)	(0.60)
VPB	36.3	(350)	(0.95)
BID	47.4	(550)	(1.15)
CTG	36.3	(600)	(1.63)
VIC	91.2	(5,800)	(5.98)



Chỉ số Vnindex trong ngày đầu năm mới đã tăng đến 18 điểm lên sát ngưỡng 1500. Dù thanh khoản không quá cao nhưng sự vận động của dòng tiền là rất tích cực. Dù tăng điểm mạnh nhưng cổ phiếu ngân hàng khá yên ắng và gần như đi ngang. Một số cổ phiếu ngân hàng thậm chí điều chỉnh như EIB, KLB, CTG, BID, VPB. Dù vậy về ngắn hạn nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn tích cực và là cơ hội tích lũy cổ phiếu cho nhà đầu tư khi thị trường điều chỉnh.

Thị trường có thể di chuyển chậm lại trong vài phiên tới và áp lực chốt lời có thể gia tăng từ phiên ngày mai. Nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, phân đạm, dệt may, bán lẻ vẫn ưu tiên nắm giữ hiện tại. Hôm nay danh mục đầu tư nắm giữ trung hạn mở trạng thái mua mới một số cổ phiếu FTS, TNG, DPM. Các cổ phiếu theo dõi trong các phiên tới bao gồm HPG, VPB, TCM, VND.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
FTS	53.0	259.5	50	75	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	1.9%
TNG	29.5	56.1	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	1.7%
DPM	42.7	167.4	35	75	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	1.7%
VCI	58.6	132.7	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	1.0%
GVR	32.2	39.8	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	0.6%
REE	68.6	35.0	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	5.5%
NLG	50.0	55.4	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	-5.7%
OCB	27.8	57.3	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	3.3%
TCB	52.8	35.9	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	5.6%
CTG	36.3	29.6	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	3.7%
STK	53.5	111.8	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	0.9%
VIB	47.4	78.2	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	0.9%
MBB	33.8	69.0	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	16.6%
DBC	70.3	56.3	70	90	Bán	1/6/2022	-5.0%
MWG	133.9	57.3	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-0.8%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Du lịch và Giải trí	6.51
Dầu khí	5.16
Khoáng sản	4.36
Sản xuất và KD Thép	4.16
Phân bón	4.13
Dịch vụ tài chính	4.09
Ô tô và phụ tùng	4.09
Bán lẻ	3.77
Vận tải - Logistics	3.58
Viễn thông	3.49
Bất động sản	3.30
Tài nguyên Cơ bản	3.22
Bất động sản KCN	3.21
Công nghệ Thông tin	3.14
Hàng cá nhân & Gia...	3.13
Xây dựng	2.94
Hóa chất	2.93
Vật liệu xây dựng	2.38
Thực phẩm và đồ...	2.26
Thủy sản	2.23
Hàng & Dịch vụ...	2.18
Truyền thông	2.18
Cao su	1.96
Y tế	1.94
Dệt May	1.62
Điện	1.39
Bao bì	1.27
Nước	0.47
Ngân hàng	0.46
Bảo hiểm(0.18)	

VGS - CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE - Quý IV/2021, công ty mẹ ghi nhận doanh thu đạt 1.064 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 12,14 tỷ đồng, lần lượt giảm 12,7% và 67,9% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế trong năm 2021, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 3.978,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 58,77 tỷ đồng, lần lượt giảm 1,8% và 11% so với thực hiện trong năm 2020.

VTP – Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel - Quý IV/2021 doanh thu thuần 5.962 tỷ đồng, cao hơn cùng kỳ năm 2020 hơn 7,5%. Sau khi trừ chi phí, lãi ròng quý IV/2021 của Tổng công ty giảm 35% so với cùng kỳ năm 2020, chỉ đạt gần 50 tỷ đồng và lũy kế cả năm ở mức 296,5 tỷ đồng, giảm 23%.

NCT - CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài - Quý IV, doanh thu thuần của NCT tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020, lên gần 215 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí, Công ty lãi sau thuế 55,3 tỷ đồng, tăng hơn 5% so với quý IV/2020.

Lũy kế cả năm 2021, Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài đạt doanh thu 742 tỷ đồng, tăng 11% và lợi nhuận sau thuế đạt 224 tỷ đồng, tăng 7,7% so với kết quả ghi nhận năm 2020.

VCF - Công ty cổ phần VinaCafé Biên Hòa - Quý IV/2021, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.010 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2020. Sau khi trừ chi phí, lãi sau thuế doanh nghiệp giảm 21%, xuống còn xấp xỉ 200 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm 2021, VCF đạt 2.217 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 23,6% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 429 tỷ đồng, giảm 41% so với số lãi 721 tỷ đồng của năm 2020.

LTG - CTCP Tập đoàn Lộc Trời - Quý IV/2021, LTG ghi nhận doanh thu đạt 3.110,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 159,72 tỷ đồng, lần lượt giảm 12% và 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

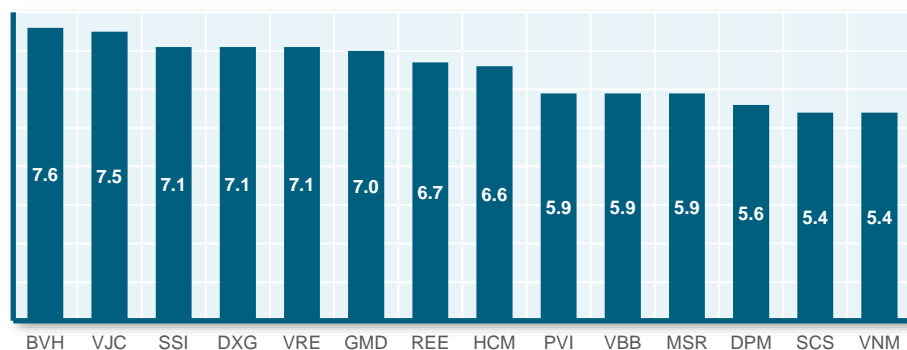
Lũy kế trong năm 2021, công ty ghi nhận doanh thu đạt 10.224,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 421,87 tỷ đồng, lần lượt tăng 36,2% và 14,4% so với thực hiện trong năm 2020.

BCM - Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP - Quý IV/2021, BCM ghi nhận doanh thu đạt 3.111,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 331,5 tỷ đồng, lần lượt tăng 23,8% và giảm 61,8% so với cùng kỳ.

Lũy kế trong năm 2021, BCM ghi nhận doanh thu đạt 6.964,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.369,4 tỷ đồng, lần lượt tăng 7,1% và giảm 37,4% so với cùng kỳ năm trước.

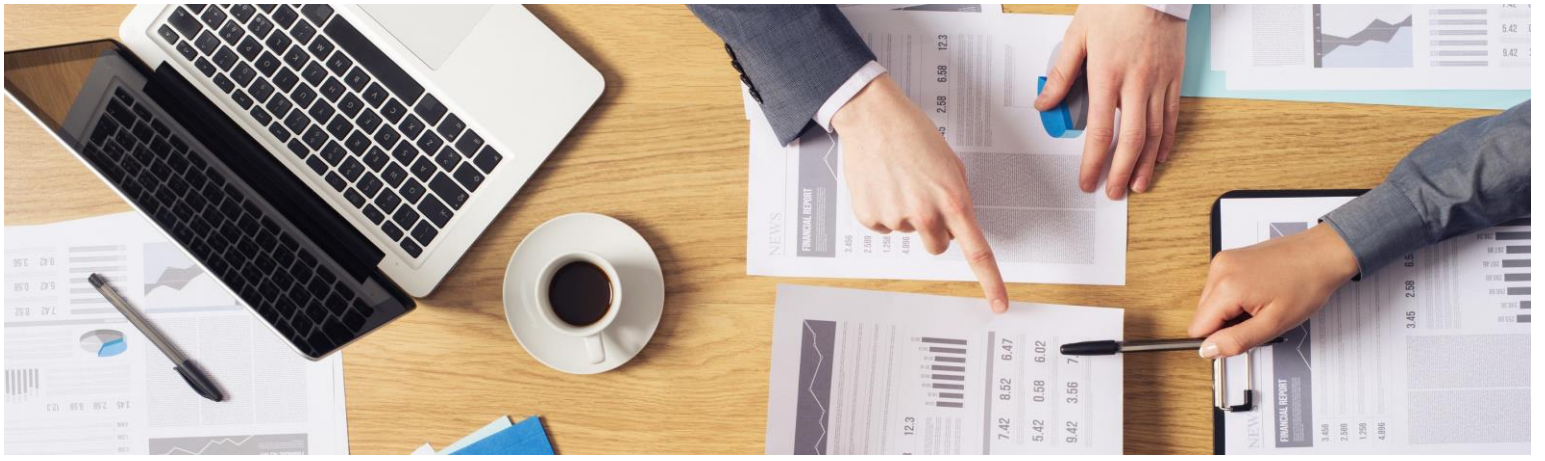


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	36.3	11,233,200	13.9	1.9	-	50,700	161,371	17.04	2,621	19,187
VIB	HOSE	47.4	1,529,200	11.5	3.0	208,200	6,500	73,541	20.47	4,127	15,640
VCB	HOSE	92.4	1,620,800	15.6	3.1	914,800	430,300	437,285	23.62	5,907	29,974
VBB	UPCOM	18.0	57,087	17.0	1.5	-	-	8,598	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	15.3	1,749,719	10.4	1.1	-	-	6,808	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	41.7	5,806,800	13.7	2.5	812,900	580,200	65,959	29.55	3,054	16,430
TCB	HOSE	52.8	9,809,900	10.3	2.0	650,400	650,400	185,376	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	35.6	18,652,400	19.7	2.0	1,306,400	163,100	67,114	18.42	1,810	18,174
SSB	HOSE	39.3	1,491,800	22.3	3.1	-	14,900	58,105	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	23.1	12,971,600	12.4	1.7	110,700	35,200	61,605	3.32	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.2	75,400	-	1.5	5,000	-	5,606	0.02	398	12,042
PGB	UPCOM	31.2	37,412	35.5	2.2	-	-	9,360	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	27.8	3,201,000	8.6	1.7	28,400	800	38,014	21.99	3,216	15,917
NVB	HNX	31.0	19,650	-	3.0	200	1,900	12,611	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.1	215,012	-	-	2,500	-	10,320	0.03	-	-
MSB	HOSE	27.4	4,829,300	10.4	1.9	6,000	-	41,777	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	33.8	16,801,200	10.1	2.0	283,300	282,900	127,707	23.23	3,361	16,538
LPB	HOSE	24.9	12,113,900	10.4	1.8	607,200	66,800	30,779	4.94	2,387	13,960
KLB	UPCOM	26.2	82,123	12.4	2.0	-	-	9,471	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	31.1	5,636,100	10.3	2.0	1,182,500	316,100	62,580	17.11	3,016	15,339
EIB	HOSE	36.0	846,700	46.1	2.5	4,700	8,900	44,198	29.74	781	14,395
CTG	HOSE	36.3	14,883,200	12.4	1.9	2,265,800	708,600	174,449	25.95	2,932	19,488
BVB	UPCOM	21.2	1,358,995	31.3	1.7	-	-	7,782	0.08	678	12,638
BID	HOSE	47.4	3,477,200	22.7	2.8	343,500	109,400	239,774	16.80	2,090	17,073
BAB	HNX	22.9	42,527	23.7	1.9	-	-	17,247	-	964	12,018
ACB	HOSE	34.7	4,548,000	9.8	2.1	-	100	93,758	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	23.2	3,806,624	10.4	1.4	-	-	16,170	19.18	2,238	16,828
			136,896,849	16.69	2.09	8,732,500	3,426,800	2,067,364		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	APH	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
4	ABB	UPCoM	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
5	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	MRF	UPCoM	9/2/2022	10/2/2022	22/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NTH	HNX	9/2/2022	10/2/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	ITD	HOSE	8/2/2022	9/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	DPM	HOSE	27/01/2022	28/01/2022	16/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TNH	HOSE	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	TRS	UPCoM	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
14	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
16	DNH	UPCoM	25/01/2022	26/01/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HGC	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022	11/2/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HCD	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	VCP	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000000:1136365	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	IDJ	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
21	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	KST	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
23	BLT	UPCoM	20/01/2022	21/01/2022	15/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 970 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NHA	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
25	SHP	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	HAP	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
27	NHT	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	C4G	UPCoM	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931